TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1245/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Hải Yến

2. Ông Đỗ Xuân Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Võ Nam Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 069/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 253/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: 1 Đường số B, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1995. (có mặt)

2. Ông Hà Đức T, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ : 01 đường B, khu dân cư H, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Thái Thị Thanh N1, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: C H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2023 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hà Đức T trình bày:

Bà Thái Thị Thanh N1 là người quen của bà Nguyễn Thị H. Qua quá trình tiếp xúc, gặp gỡ bà H biết được bà N1 cần vay một số tiền để làm ăn nên vào ngày 28/8/2014, sau khi đã thỏa thuận thì cả hai thống nhất ý chí tiến tới ký kết hợp đồng vay tiền, được Văn phòng C (địa chỉ: A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) công chứng và được ông Nguyễn Văn H1 có Chứng minh nhân dân số 022756272 làm chứng. Cụ thể số tiền bà Thái Thị Thanh N1 vay của bà Nguyễn Thị H là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 28/8/2014 đến ngày 28/11/2014 với mức lãi suất 1%/tháng. Thực hiện đúng theo Hợp đồng vay tiền ngày 28/8/2014 ký giữa hai bên, bà H đã giao cho bà N1 số tiền vay là 300.000.000 đồng tại Văn phòng C (địa chỉ: A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) bằng hình thức tiền mặt trực tiếp theo đúng như thỏa thuận của hai bên. Theo điều khoản thanh toán thì bên vay phải thanh toán cho bên cho vay muộn nhất vào ngày 28/11/2014 số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 1%/tháng. Tuy nhiên, đến hạn phải thanh toán khoản tiền đã vay nhưng bà N1 lại cố tình trì hoãn, không trả nợ cho bà H tiền nợ gốc và tiền lãi. Hiện tại dù đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà N1 vẫn không thanh toán đúng khoản tiền theo quy định trong "Hợp đồng vay tiền" đã ký kết. Bà H đã nhiều lần thông báo, gọi điện yêu cầu bà N1 trả tiền nhưng bà N1 cố tình né tránh, hứa hẹn hết lần này đến lần khác không chịu trả. Việc bà N1 không trả nợ đã gây cho bà H nhiều khó khăn, thiệt hại, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N1 phải trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng.

Trước đây trong nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai, bà H có yêu cầu bà N1 trả khoản lãi phát sinh tạm tính từ ngày 28/8/2014 đến ngày 12/4/2024 bao gồm lãi trong hạn 9.172.602 đồng và lãi quá hạn 506.564.383 đồng. Ngày 02/7/2024, bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung bà H không yêu cầu bà N1 chịu tiền lãi phát sinh, chỉ yêu cầu bà N1 trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Thái Thị Thanh N1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu N trình bày: Bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Thái Thị Thanh N1 về việc yêu cầu trả số tiền vay 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi đối với bà N1. Đại diện nguyên đơn khẳng định các tài liệu, chứng cứ đã được giao nộp đầy đủ trong quá

trình giải quyết vụ án, ngoài những tài liệu, chứng cứ đã nộp trong hồ sơ, nguyên đơn không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thống nhất với phần trình bày của đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hữu N.

- Bị đơn bà Thái Thị Thanh N1 tiếp tục vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng; Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ do Tòa án thu thập và do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng; đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Thái Thị Thanh N1 có địa chỉ cư trú tại C H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Thời hiệu khởi kiện:

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa và nguyên đơn không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không giải quyết về thời hiệu khởi kiện.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Ngay sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về yêu cầu bà Thái Thị Thanh N1 trả nợ vay, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho bà N1 như thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập bà N1 đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà N1 vắng mặt không có lý do. Vì vậy, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật này quy định những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra nhưng phía bị đơn không có ý kiến phản đối thì nguyên đơn không có nghĩa vụ phải chứng minh, chứng cứ này được xem là có giá trị và được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Thái Thị Thanh N1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét tính hợp pháp của hợp đồng vay tiền:

Hợp đồng vay tiền ký giữa bà Nguyễn Thị H và bà Thái Thị Thanh N1 đã được Văn phòng C (địa chỉ: A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) chứng nhận ngày 28/8/2014, số công chứng 009500, quyển số 8 TP/CC-SCC/HĐGD. Hình thức hợp đồng lập dưới dạng văn bản có công chứng thể hiện đầy đủ nội dung thỏa thuận giữa các bên, các nội dung trong Hợp đồng vay tiền đã ký có thể hiện rõ số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất và thời gian giao tiền lãi, trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên… Như vậy, nội dung của Hợp đồng vay tiền là hợp pháp, không vi phạm điều cấm của pháp luật cũng không trái đạo đức xã hội, nên Hợp đồng vay tiền có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên từ thời điểm ký kết hợp đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào bản chính Hợp đồng vay tiền ngày 28/8/2014, số công chứng 009500, quyển số 8 TP/CC-SCC/HĐGD, có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị H và bà Thái Thị Thanh N1 có thỏa thuận với nhau bằng văn bản về việc vay tiền.

Việc thỏa thuận vay tiền này phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật. Thời hạn vay theo thỏa thuận giữa hai bên đã hết, do bà N1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà H thu hồi nợ vay là đúng theo thỏa thuận đã ký. Do đó, yêu cầu của bà H buộc bà N1 trả nợ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Bà N2 có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về rút một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung rút yêu cầu tính lãi đối với bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc nguyên đơn bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Thái Thị Thanh N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán.

- Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 227; Điều 228, Điều 244, Điều 264, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H:

- Buộc bà Thái Thị Thanh N1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Hoàn toàn B số tiền vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, theo Hợp đồng vay tiền ký giữa bà Nguyễn Thị H và bà Thái Thị Thanh N1 đã được Văn phòng C (địa chỉ A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) chứng nhận ngày 28/8/2014, số công chứng 009500, quyển số 8 TP/CC-SCC/HĐGD.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về tính lãi phát sinh đối với số tiền vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

2. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị H (đối với các khoản tiền phải trả cho bà H) cho đến khi thi hành án xong, bà Thái Thị Thanh N1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về án phí:

- Bà Thái Thị Thanh N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

- Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí 17.807.000 (mười bảy triệu tám trăm lẻ bảy nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0032033 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận,Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương G